TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 441/2018/DS-ST
Ngày: 31-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Lê Thị Tự

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân Quận 1 tham gia phiên tòa*:** Bà Tăng Tố Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2166/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3512/2018/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4008/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Ngọc K, trú tại: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 01 năm 2018).

Ông Lê Ngọc K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1974

Địa chỉ: đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- Ngân hàng TMCP S- Có ông Lê Ngọc Khánh đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 04/08/2009, ông Nguyễn Ngọc C có ký với Ngân hàng TMCP S (Gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 158.372.520 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 198.230.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/06/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông C, yêu cầu ông C có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông C trả nợ, tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc ông C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/8/2018 là 52.680.599 đồng (Gồm nợ gốc là 28.372.099 đồng, lãi quá hạn là 24.308.500 đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngân hàng TMCP S đã nộp các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP S;
- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/8/2009;
- Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Ngọc C;
- Thư gửi cho ông C về việc yêu cầu thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng;
- Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng...

** Đối với bị đơn- Ông Nguyễn Ngọc C:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng ông C không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân Quận 1 tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

Ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

Ngày 04/8/2009, ông Nguyễn Ngọc C và Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Do ông C không thanh toán đúng số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Ông C là bị đơn, có nơi cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Ông C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C và Ngân hàng.

[2]. *Về pháp luật nội dung*:

- Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/8/2018 là 52.680.599 đồng. Trong đó nợ gốc là 28.372.099 đồng, lãi quá hạn là 24.308.500 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, từ ngày 26/6/2016 đến nay ông C không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng, nên cần buộc ông C thực hiện đúng nội dung thỏa thuận.

Do vậy, các yêu cầu của nguyên đơn về việc:

+ Buộc ông C phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31/8/2018 là 52.680.599 đồng. Trong đó nợ gốc là 28.372.099 đồng, lãi quá hạn là 24.308.500 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Ông C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP S:

+ Buộc ông Nguyễn Ngọc C phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/8/2018 là 52.680.599 (Năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó nợ gốc là 28.372.099 (Hai mươi tám triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn không trăm chín mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 24.308.500 (Hai mươi bốn triệu ba trăm lẻ tám nghìn năm trăm) đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Ông C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.634.030 (Hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn không trăm ba mươi) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 906.028 (Chín trăm lẻ sáu nghìn không trăm hai mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019460 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh